

Phụ lục II.3
CHI THƯỜNG XUYÊN KHCN, ĐMST VÀ CDS - KHỐI PHƯỜNG XÃ - NĂM 2026
(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày tháng 10 năm 2026 của UBND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kinh phí phân bổ năm 2026				Số liệu giải ngân thực tế				Tỷ lệ tiến độ
		Chi thường xuyên				Chi thường xuyên				
		KHCN	ĐMST	CDS	Tổng cộng	KHCN	ĐMST	CDS	Tổng cộng	
1	UBND Xã Tiên Phước	50	15	16.435	16.500	0	0	974	974	6%
2	UBND Xã Thăng Bình	400	0	19.117	19.517	400	0	1.085	1.485	8%
3	UBND Xã Hiệp Đức	3	3	9.793	9.800	3	3	898	905	9%
4	UBND Phường Điện Bàn Đông	400	400	11.900	12.700	350	200	710	1.260	10%
5	UBND Xã Xuân Phú	0	0	14.000	14.000	0	0	1.465	1.465	10%
6	UBND Xã Chiên Đàn	740	541	13.519	14.800	40	440	1.106	1.586	11%
7	UBND Xã Duy Xuyên	187	30	16.582	16.800	161	30	1.642	1.834	11%
8	UBND Xã Phước Năng	26	30	11.543	11.600	0	0	1.311	1.311	11%
9	UBND Xã Thăng Điện	20	0	16.052	16.073	12	0	1.831	1.843	11%
10	UBND Xã Hùng Sơn	1.612	0	3.463	5.076	0	0	672	672	13%
11	UBND Xã Tây Hồ	1.513	60	10.440	12.013	1.601	0	0	1.601	13%
12	UBND Xã Nam Giang	0	0	3.500	3.500	0	109	390	500	14%
13	UBND Xã Sơn Cẩm Hà	0	0	13.500	13.500	0	0	2.000	2.000	15%
14	UBND Xã Đại Lộc	80	40	11.680	11.800	80	40	1.632	1.752	15%
15	UBND Xã Phú Ninh	0	0	13.200	13.200	0	0	2.000	2.000	15%
16	UBND Xã Trà My	0	0	8.000	8.000	0	0	1.235	1.235	15%
17	UBND Xã Bến Hiên	194	100	3.706	4.000	0	0	673	673	17%
18	UBND Xã Phước Chánh	0	0	13.065	13.065	0	0	2.265	2.265	17%
19	UBND Phường Điện Bàn	0	0	7.769	7.769	0	0	1.492	1.492	19%
20	UBND Xã Trà Liên	464	26	5.509	6.000	897	10	266	1.173	20%
21	UBND Xã Trà Giáp	50	0	4.950	5.000	0	0	1.059	1.059	21%
22	UBND Xã Sông Vàng	0	20	7.980	8.000	0	0	1.720	1.720	22%
23	UBND Xã Nông Sơn	25	25	5.750	5.800	0	0	1.464	1.464	25%
24	UBND Phường Điện Bàn Bắc	1.480	14	6.206	7.700	1.406	14	579	2.000	26%
25	UBND Xã Lãnh Ngọc	0	0	7.000	7.000	0	0	1.899	1.899	27%
26	UBND Xã Hòa Vang	948	245	3.306	4.500	828	32	467	1.327	29%
27	UBND Xã Phước Hiệp	0	0	4.800	4.800	0	0	1.437	1.437	30%
28	UBND Xã Bến Giằng	0	0	6.000	6.000	0	0	1.839	1.839	31%
29	UBND Xã Phước Thành	0	20	4.780	4.800	0	20	1.479	1.499	31%
30	UBND Phường Sơn Trà	1.705	10	785	2.500	0	0	785	785	31%
31	UBND Xã Nam Trà My	60	50	4.890	5.000	0	0	1.573	1.573	31%
32	UBND Xã Việt An	50	0	14.750	14.800	48	0	4.726	4.774	32%

33	UBND Xã Tây Giang	0	0	6.000	6.000	118	0	1.828	1.946	32%
34	UBND Xã Đắc Pring	42	42	3.914	4.000	42	42	1.262	1.347	34%
35	UBND Xã Sông Kôn	37	0	3.963	4.000	0	0	1.374	1.374	34%
36	UBND Xã Trà Leng	330	0	3.669	4.000	0	0	1.464	1.464	37%
37	UBND Xã Trà Đốc	0	500	4.500	5.000	0	0	1.843	1.843	37%
38	UBND Phường Hòa Khánh	50	250	4.200	4.500	50	250	1.360	1.660	37%
39	UBND Xã Tam Hải	90	0	1.910	2.000	0	0	746	746	37%
40	UBND Xã Tân Hiệp	1.770	0	230	2.000	772	0	0	772	39%
41	UBND Xã Bà Nà	0	95	3.705	3.800	0	77	1.395	1.472	39%
42	UBND Xã Đông Giang	52	3	3.944	4.000	0	0	1.596	1.596	40%
43	UBND Phường Cẩm Lệ	495	200	2.400	3.095	495	81	677	1.253	40%
44	UBND Xã Quế Phước	25	17	3.958	4.000	0	0	1.656	1.656	41%
45	UBND Xã Trà Tập	1.267	242	2.490	4.000	1.139	180	410	1.730	43%
46	UBND Phường An Thắng	0	60	3.640	3.700	0	34	1.744	1.779	48%
47	UBND Xã Duy Nghĩa	868	483	2.647	4.000	955	528	451	1.934	48%
48	UBND Phường Liên Chiểu	100	100	3.800	4.000	0	0	2.000	2.000	50%
49	UBND Xã Hòa Tiến	74	226	3.698	4.000	74	226	1.698	2.000	50%
50	UBND Phường Quảng Phú	0	50	1.950	2.000	0	0	1.032	1.032	52%
51	UBND Xã AVương	0	0	4.146	4.146	0	0	2.146	2.146	52%
52	UBND Xã La Êê	37	0	1.962	2.000	0	0	1.040	1.040	52%
53	UBND Xã Khâm Đức	0	0	3.800	3.800	0	0	1.994	1.994	52%
54	UBND Phường Hải Vân	0	0	3.500	3.500	0	0	1.850	1.850	53%
55	UBND Xã Phước Trà	30	30	7.740	7.800	0	0	4.146	4.146	53%
56	UBND Xã Thạnh Mỹ	2.000	0	290	2.290	0	0	1.241	1.241	54%
57	UBND Xã Trà Vân	0	0	4.409	4.409	0	0	2.409	2.409	55%
58	UBND Phường Hội An	120	150	2.222	2.492	120	44	1.204	1.368	55%
59	UBND Phường Tam Kỳ	150	0	1.850	2.000	40	0	1.171	1.211	61%
60	UBND Phường Hòa Cường	288	80	1.631	2.000	139	0	1.075	1.215	61%
61	UBND Phường Hội An Đông	120	70	1.810	2.000	0	25	1.210	1.235	62%
62	UBND Xã Điện Bàn Tây	0	0	2.000	2.000	0	0	1.323	1.323	66%
63	UBND Xã Núi Thành	40	50	2.400	2.490	40	0	1.634	1.674	67%
64	UBND Xã Quế Sơn	60	0	1.940	2.000	0	0	1.348	1.348	67%
65	UBND Xã Thăng Trường	40	0	2.477	2.517	0	0	1.741	1.741	69%
66	UBND Xã Nam Phước	46	20	1.934	2.000	46	0	1.359	1.405	70%
67	UBND Phường An Khê	276	30	1.694	2.000	227	30	1.175	1.433	72%
68	UBND Xã Đồng Dương	500	100	1.400	2.000	303	0	1.160	1.463	73%
69	UBND Phường Hải Châu	0	1.083	917	2.000	0	996	500	1.496	75%
70	UBND Xã La Dêê	0	0	2.000	2.000	0	0	1.532	1.532	77%
71	UBND Xã Thăng An	2.000	0	0	2.000	0	0	1.544	1.544	77%
72	UBND Xã Trà Tân	62	81	1.733	1.878	0	0	1.463	1.463	78%

73	UBND Phường Hòa Xuân	150	0	1.850	2.000	150	70	1.350	1.570	79%
74	UBND Xã Tam Anh	112	67	1.821	2.000	0	0	1.592	1.592	80%
75	UBND Xã Đức Phú	57	0	1.943	2.000	52	0	1.588	1.641	82%
76	UBND Phường Ngũ Hành Sơn	521	1.910	5.909	8.340	250	1.543	5.147	6.940	83%
77	UBND Phường Bàn Thạch	50	50	2.300	2.400	20	50	1.930	2.000	83%
78	UBND Xã Thạnh Bình	50	200	1.750	2.000	0	0	1.682	1.682	84%
79	UBND Xã Hà Nha	20	20	1.960	2.000	20	20	1.670	1.710	86%
80	UBND Xã Tam Xuân	0	0	2.000	2.000	0	0	1.716	1.716	86%
81	UBND Xã Vu Gia	70	50	1.880	2.000	47	30	1.655	1.732	87%
82	UBND Xã Quế Sơn Trung	100	340	1.560	2.000	0	0	1.747	1.747	87%
83	UBND Xã Gò Nổi	15	15	1.970	2.000	0	0	1.768	1.768	88%
84	UBND Xã Phú Thuận	90	0	2.221	2.311	90	0	1.955	2.045	88%
85	UBND Phường Hội An Tây	15	0	1.985	2.000	10	23	1.769	1.802	90%
86	UBND Xã Thăng Phú	0	0	2.000	2.000	0	0	1.838	1.838	92%
87	UBND Phường Thanh Khê	50	60	1.988	2.098	50	0	1.899	1.949	93%
88	UBND Xã Trà Linh	350	130	1.520	2.000	350	0	1.520	1.870	94%
89	UBND Xã Thu Bồn	120	200	1.680	2.000	1.000	0	903	1.903	95%
90	UBND Xã Tam Mỹ	0	0	2.000	2.000	0	0	1.911	1.911	96%
91	UBND Xã Thượng Đức	0	0	2.000	2.000	0	0	1.920	1.920	96%
92	UBND Phường An Hải	63	100	1.837	2.000	43	100	1.836	1.979	99%
93	UBND Phường Hương Trà	300	100	1.600	2.000	300	100	1.600	2.000	100%
	TỔNG CỘNG				482.179				156.598	32%